

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 5. tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG**

Năm báo cáo: 2014

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Thủy Điện Quế Phong**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900687702, Ngày cấp: 25/8/2014, đăng ký lần đầu ngày 26/07/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/8/2015. Nơi cấp: Sở Kế hoạch-Đầu tư tỉnh Nghệ An.
- Vốn điều lệ: 445.000.000.000, VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 185.831.000.000, VND
- Địa chỉ: xã Mùong Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại: 0383.885.709
- Số fax: 0383.885.215
- Website: <http://thuydienquephong.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có): QPH

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

Quá trình hình thành và phát triển: (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong được thành lập ngày 26/7/2005 với số vốn Điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng, tiền thân là Ban quản lý Dự án Thủy điện Bản Cốc thuộc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội.

Cụm Nhà máy Thủy điện Quế Phong gồm 5 công trình chính là Nhà máy thủy điện Bản Cốc, Nhà máy thủy điện Sao Va, Nhà máy thủy điện Nhạn Hạc, tuyến đường dây 35/110KV nối từ các nhà máy thủy điện về lưới điện Quốc gia và Trạm biến áp 110kV Truong Bành, do Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (gồm các cổ đông chính như TCT Xây dựng Hà Nội, Công ty Tài chính Bưu Điện, Công ty CP Lắp máy Điện nước, Công ty CP Xây dựng Lũng

Lô 2, BIDV) làm chủ đầu tư. Dự án hoạt động theo hình thức BOO (Build – Owner – Operation/ Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh). Ngay sau khi được các cấp có thẩm quyền chấp thuận đầu tư, Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội đã phát lệnh khởi công xây dựng cụm Thủy điện Quế Phong.

Khởi công vào cuối năm 2005, Nhà máy Thủy điện Bản Cốc thuộc địa phận xã Châu Kim, huyện Quế Phong, Nghệ An được 4 nhà thầu chính là Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (thuộc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội), Tổng Công ty Xây dựng Công Nghiệp Việt Nam; Công ty Xây dựng Lũng Lô (Bộ Quốc Phòng) đảm nhiệm thi công, Công ty CMEC (Trung Quốc) cung cấp, lắp đặt thiết bị. Nhà máy Thủy điện Bản Cốc có tổng mức đầu tư là 427,5 tỷ đồng.

Đến cuối năm 2007, một số hạng mục thi công đã hoàn thành đạt chỉ tiêu đặt ra, tại hạng mục cụm đầu mối đã thực hiện xong 100% khối lượng công việc.

Đến cuối năm 2008, hoàn thành tuyến năng lượng, đào đường hầm ở Nhà máy Bản Cốc dài 3.100 m, ở Nhà máy Thủy điện Sao Va dài 450 m. Hạng mục Nhà máy và kênh xả đã thực hiện đào đắp gần 1 triệu m<sup>3</sup> đất đá, hàng chục ngàn m<sup>3</sup> bê tông cốt thép để xây dựng kết cấu công trình. Đã lắp đặt gần 3000 tấn thiết bị cho 3/3 tổ máy Nhà máy Thủy điện Bản Cốc; 3/3 tổ máy Nhà máy Thủy điện Sao Va và trạm biến áp Trùng Bành. Tuyến đường dây 35/110 kV đã hoàn thành 80 km đường dây mạch kép nối từ Nhà máy Bản Cốc; Nhà máy Sao Va đến Quỳnh Hợp để đưa điện lên lưới điện Quốc Gia.

Cùng một lúc thi công cả 5 công trình trong đó ưu tiên xây dựng những công trình đáp ứng tiến độ phát điện sớm nhất, bằng sự nỗ lực thi công của CBCNV các đơn vị xây lắp và kinh nghiệm quản lý điều hành của Công ty, các hạng mục công trình của Nhà máy thủy điện Bản Cốc; Nhà máy Thủy điện Sao Va, tuyến đường dây 35/110 kV Quế Phong – Quỳnh Hợp và Trạm biến áp 35/110 kV Trùng Bành đều đã được hoàn thành. Riêng Nhà máy Thủy điện Nhận Hạc đã hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế, kỹ thuật, xây dựng hoàn thành cơ bản đường nội bộ và các công trình phục vụ thi công.

Ngày 12/7/2009, hội đồng nghiệm thu cùng các bên liên quan quyết định tiến hành phát điện thử nghiệm từ Nhà máy Thủy điện Bản Cốc lên lưới điện Quốc gia, đến 02/8/2009, Nhà máy Thủy điện Bản Cốc đã chính thức phát điện thương mại.

Ngày 11/09/2009, Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong đã tổ chức Lễ Khánh thành cụm Nhà máy Thủy điện Quế Phong tại Nhà máy Thủy điện Bản Cốc, xã Châu Kim, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đây là công trình thủy điện phát điện thương mại đầu tiên của Nghệ An.

Tháng 12/2009, Công ty cũng đã hoàn tất quá trình đầu tư xây dựng và bắt đầu đưa vào vận hành phát điện Nhà máy Thủy điện Sao Va.

Tháng 7/2010, khởi công xây dựng Nhà máy Thủy điện nhận Hạc, tuy nhiên, đến nay Dự án Nhận Hạc vẫn không thể tiếp tục triển khai do không thể huy động được vốn đầu tư từ các cổ đông và các Tổ chức tài chính do đó dự án đã được chuyển giao cho Nhà đầu tư khác thực hiện.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900687702 ngày 25/8/2014, đăng ký lần đầu ngày 26/07/2005 do Sở Kế hoạch-Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

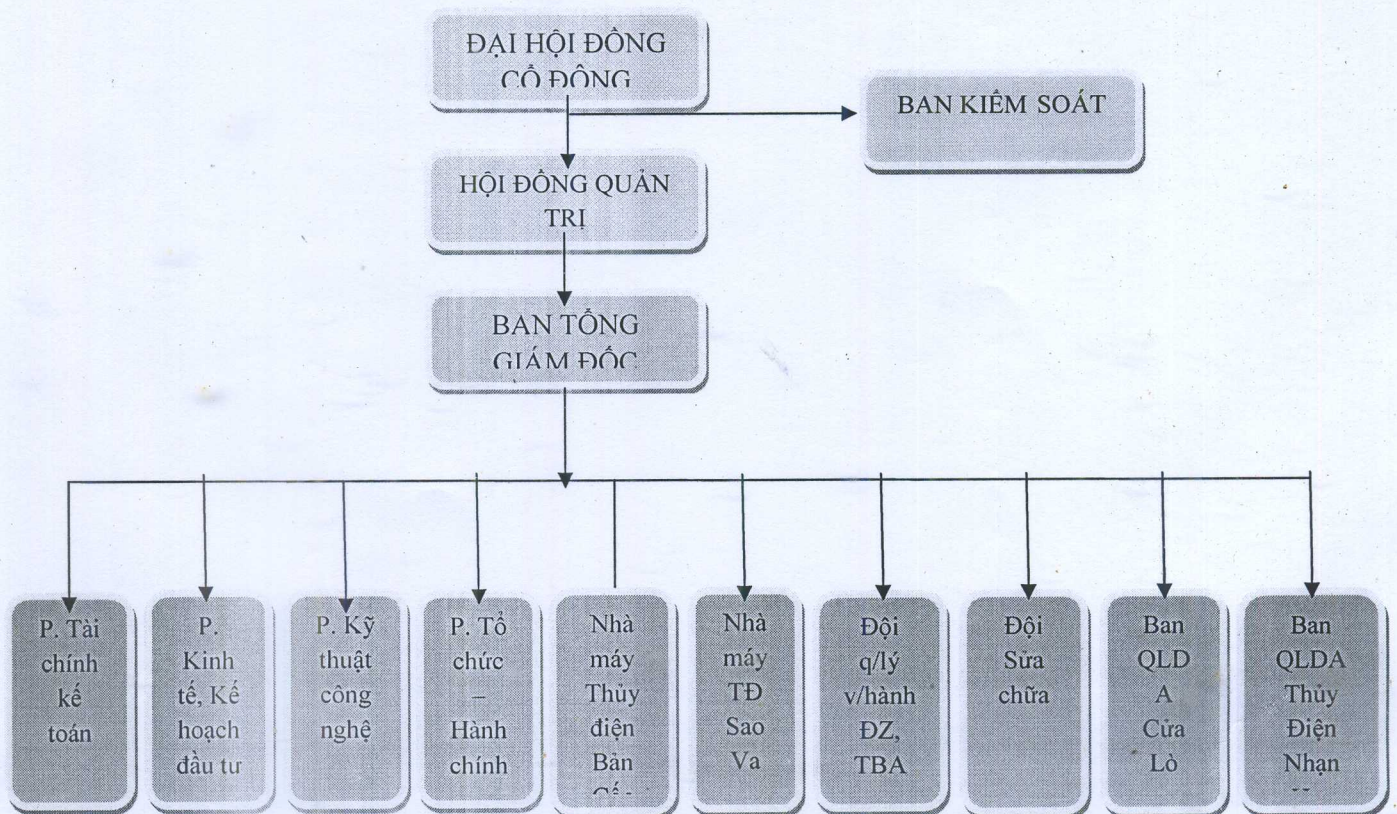
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Sản xuất và kinh doanh điện năng);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp đến 220 KV;
- Sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện;
- Đào tạo công nhân vận hành nhà máy thủy điện;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch lữ hành;
- Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- + Nhà máy thủy điện Bán Cốc: xã Châu Kim, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An
- + Nhà máy Thủy điện Sao Va: xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An
- + Trạm biến áp 110kV: xã Quế Sơn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý.
- Sơ đồ



### b. Diễn giải sơ đồ

Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

#### Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị; bầu và bãi miễn Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tổ chức lại và giải thể Công ty.

#### Hội đồng quản trị (HDQT):

Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. HDQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh

hàng năm của Công ty; xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh; quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty là 05 năm và thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty là 07 thành viên, bao gồm chủ tịch và các thành viên khác:

|                         |                     |
|-------------------------|---------------------|
| Ông Nguyễn Minh Cường   | - Chủ tịch HĐQT     |
| Ông Thái Phong Nhã      | - Phó Chủ tịch HĐQT |
| Ông: Đoàn Kim Đồng      | - Ủy viên           |
| Ông: Nguyễn Xuân Nghiêm | - Ủy viên           |
| Ông: Bùi Lê Quang       | - Ủy viên           |
| Ông: Ngô Thành Phước    | - Ủy viên           |
| Ông: Tăng Văn Chúc      | - Ủy viên           |

Thực hiện Quyết định số 1194/QĐ-TCT ngày 24/12/2012 của Hội đồng thành viên Tổng công ty xây dựng Hà Nội về việc thoái toàn bộ vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần thủy điện Quế phong, tháng 8/2014, Tổng công ty Xây dựng Hà Nội đã hoàn thành công tác thoái 100% vốn góp tại Công ty.

Căn cứ nội dung Điều lệ Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong, các thành viên HĐQT phải nắm giữ tối thiểu 5% VDL. Do Tổng công ty Xây dựng Hà Nội thoái vốn nên các đồng chí được giao nắm giữ phần vốn nhà nước của Tổng công ty Xây dựng Hà Nội tại Công ty rút khỏi HĐQT Công ty và các chức danh được giao tại Công ty, theo đó Hội đồng quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 21/08/2014 với các nội dung như sau:

- Ông Nguyễn Minh Cường nắm giữ 40% phần vốn của Tổng công ty, không tham gia HĐQT, rút khỏi chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty.
- Ông Đoàn Kim Đồng nắm giữ 35% phần vốn của Tổng công ty, không tham gia HĐQT, rút khỏi chức danh Tổng Giám đốc Công ty.
- Ông Nguyễn Xuân Nghiêm nắm giữ 25% phần vốn của Tổng công ty, không tham gia HĐQT, rút khỏi chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty.

Ngày 15/9/2014, Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty CP thủy điện Quế Phong đã bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT Công ty với kết quả như sau:

Ông Thái Phong Nhã - Chủ tịch HĐQT

|                     |                              |
|---------------------|------------------------------|
| Ông: Lê Thái Hưng   | - Ủy viên, Tổng giám đốc     |
| Ông: Lê Bất Hùng    | - Ủy viên, Phó Tổng giám đốc |
| Ông: Phan Bằng Việt | - Ủy viên                    |
| Ông: Bùi Lê Quang   | - Ủy viên                    |
| Ông: Tăng Văn Chúc  | - Ủy viên                    |

**Ban kiểm soát:**

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng Cổ đông, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ngày 15/9/2014, Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty CP thủy điện Quế Phong đã bầu bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát Công ty với kết quả như sau:

Ban kiểm soát Công ty có 03 thành viên. Bao gồm:

|                       |                        |
|-----------------------|------------------------|
| Ông: Đặng Khánh Quyền | - Trưởng ban kiểm soát |
| Ông: Nguyễn Bá Tiến   | - Ủy viên              |
| Bà : Nguyễn Thị Bích  | - Ủy viên              |

**Ban Tổng Giám đốc:**

Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật của Công ty, là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng ban nghiệp vụ là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Ban Tổng giám đốc bao gồm:

|                    |                     |
|--------------------|---------------------|
| Ông: Lê Thái Hưng  | - Tổng Giám đốc     |
| Ông: Bùi Văn Trung | - Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Bất Hùng    | - Phó Tổng Giám đốc |

Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết):

Công ty TNHH MTV thủy điện Sao Va

Địa chỉ: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An

Lĩnh vực sxkd chính: sản xuất kinh doanh và truyền tải điện năng

Vốn điều lệ thực góp: 15.627.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn góp

#### 5. Định hướng phát triển

- Ổn định công tác vận hành phát điện:

Duy trì, ổn định công tác vận hành nhà máy thủy điện Bản Cốc, Trạm biến áp Truong Bành, đường dây truyền tải 35/110 Kv Truong Bành – Quỳnh Hợp, nhà máy thủy điện Sao Va. Bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị đảm bảo vận hành tối đa khi lượng nước lòng hồ cho phép, phần đầu phát điện từ 85% công suất thiết kế trở lên. Không để xảy ra sự cố lớn làm ảnh hưởng đến máy móc thiết bị, không để xảy ra tai nạn lao động nặng. Phối hợp chặt chẽ với trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc Gia và trung tâm điều độ hệ thống điện Miền Bắc (A0, A1) để hòa vào lưới điện hết công suất phát ra.

Đảm bảo an toàn hành lang lưới điện, phối hợp vận hành với các đơn vị truyền tải điện trong khu vực : Công ty quản lý lưới điện cao thế miền Bắc, Công ty điện lực Nghệ An, B15, nhà máy thủy điện Nậm Pông và một số đơn vị khác.

- Đầu tư xây dựng khai thác mỏ đá Pù Càng.

- Mở rộng ngành nghề kinh doanh :

Căn cứ tình hình thực tế và điều kiện nguồn vốn cho phép Công ty mở rộng một số ngành nghề :

- Khai thác chế biến lâm sản: Thu mua lâm sản trong khu vực để chế biến lâm sản, tạo ra sản phẩm thông dụng như bàn ghế, giường tủ, cánh cửa,... Sử dụng những sản phẩm này bán ra ngoài và phục vụ xây dựng nhà ở, trụ sở Công ty. Sử dụng nhà kho chứa thiết bị của nhà máy Bản Cốc trước đây để làm nhà xưởng chế biến lâm sản. Liên kết với một số đơn vị để họ cung cấp thiết bị và cùng Công ty sản xuất kinh doanh sản phẩm.

- Sản xuất gạch nung: Hiện nay khu vực huyện Quế Phong có một số mỏ đất sét có thể sản xuất được gạch không nung, Công ty Quế Phong có thể xin đầu tư xây dựng một nhà máy với sản lượng 10 triệu viên/năm. Hiện tại, trong khu vực huyện Quế Phong và Quỳnh Châu chưa có nhà máy sản xuất gạch, để có gạch xây dựng công trình phải đi mua từ Nghĩa Đàn cách xa Quế Phong gần 100 km, chi phí vận chuyển rất lớn.

- Khai thác đá Granis: Qua tìm hiểu và được phòng tài nguyên huyện Quế Phong cung cấp thông tin, trong khu vực Quế Phong có một số mỏ đá Granis có thể chế biến đá phục vụ

thị trường xây dựng, đây là loại vật liệu chất lượng cao, Công ty có thể làm việc với lãnh đạo địa phương để xin khảo sát địa điểm, trữ lượng và chất lượng để lập dự án đầu tư.

- Trồng rừng: Thực hiện theo Nghị quyết số 05/2008/NĐ – CP ngày 14/01/2008 và Nghị quyết số 99/2010/NĐ – CP ngày 24/09/2010 của Chính Phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng; Thực hiện Nghị quyết số 2248/QĐ – TTG ngày 13/12/2010 của Chính Phủ về chính sách dự án chi trả dịch vụ môi trường rừng. Công ty Quế Phong đã có quỹ đất để xây dựng dự án thủy điện, quỹ đất này sau khi xây dựng xong nhà máy thì Công ty xin nguồn Quỹ để trồng rừng, phát triển rừng trong diện tích đất được cấp. Như vậy vừa có thêm thực vật che phủ diện tích đất chống xói mòn vừa tạo ra việc làm cho nguồn lao động để nâng cao đời sống.

- Thành lập đội xây lắp đảm bảo nhiệm vụ xây dựng các công trình nội bộ Công ty và nhận thầu thi công xây lắp.

- Tìm kiếm đầu tư một số dự án khác trong khu vực Quế Phong.

6. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty).

#### 6.1 Rủi ro kinh tế

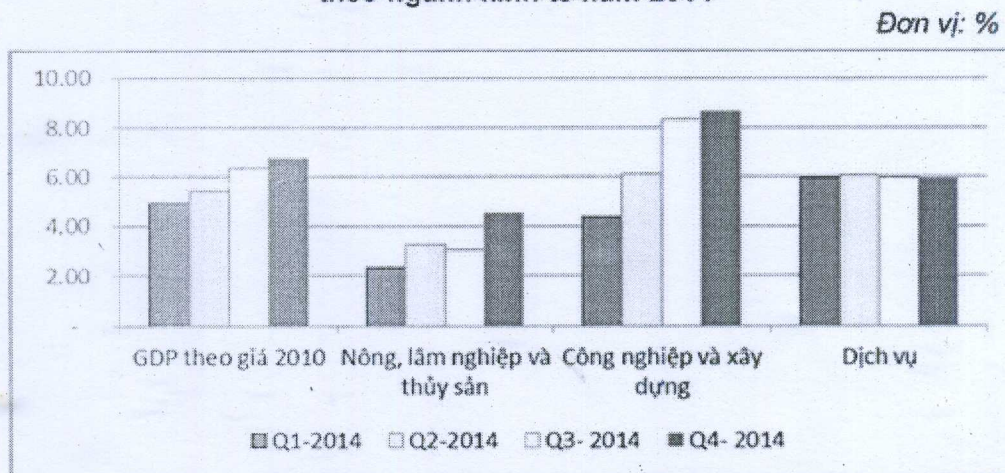
Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, ... Doanh nghiệp - một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

##### - Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của thu nhập, lạm phát của nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển hay tụt hậu về kinh tế Việt Nam ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp, công nghiệp, các công trình đầu tư hạ tầng cơ sở, mở rộng nhà máy trong đất nước và kéo theo là nhu cầu sử dụng điện năng phục vụ sản xuất và sinh hoạt.



Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng theo quý của GDP, GDP theo ngành kinh tế năm 2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013, trong đó quý I tăng 5,06%; quý II tăng 5,34%; quý III tăng 6,07%; quý IV tăng 6,96%. Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế. Trong mức tăng 5,98% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,49%, cao hơn mức 2,64% của năm 2013, đóng góp 0,61 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,14%, cao hơn nhiều mức tăng 5,43% của năm trước, đóng góp 2,75 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,96%, đóng góp 2,62 điểm phần trăm.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành nông nghiệp mặc dù tăng thấp ở mức 2,60% nhưng quy mô trong khu vực lớn nhất (Khoảng 74%) nên đóng góp 0,35 điểm phần trăm. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 7,15% so với năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo có chuyển biến khá tích cực với mức tăng cao là 8,45%, cao hơn nhiều so với mức tăng của một số năm trước (Năm 2012 tăng 5,80%; năm 2013 tăng 7,44%), đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng của khu vực II và góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung. Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng trưởng chung như sau: Bán buôn và bán lẻ chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt mức tăng 6,62% so với năm 2013, đóng góp 0,91 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 5,88%; hoạt động kinh doanh bất động sản được cải thiện hơn với mức tăng 2,85%, cao hơn mức tăng 2,17% của năm trước.

Về cơ cấu nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,12%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,50%; khu vực dịch vụ chiếm 43,38% (Cơ cấu tương ứng của năm 2013 là: 18,38%; 38,31%; 43,31%).

Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2014, tiêu dùng cuối cùng tăng 6,20% so với năm 2013, đóng góp 4,72 điểm phần trăm vào mức tăng chung (Tiêu dùng cuối cùng của dân cư tăng 6,12%, cao hơn mức tăng 5,18% của năm trước); tích lũy tài sản tăng 8,90%, đóng góp 2,90 điểm phần trăm.

Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ trong thời gian tới sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện nói riêng. Hơn nữa, thị trường sản xuất điện năng ở Việt nam hiện nay đang tăng trưởng với đặc điểm sức cầu luôn vượt sức cung. Nhu cầu về điện tăng ở mức 15-16%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ sản xuất điện trong nước. Do vậy, khi khủng hoảng kinh tế qua đi, đầu tư xây dựng cơ bản là lĩnh vực tăng trưởng nhanh và mạnh nhất, là đầu tàu kéo toàn bộ nền kinh tế phát triển, cộng với sự thiếu hụt nguồn cung cấp điện năng cho toàn bộ nền kinh tế, thì những yếu tố này sẽ trở thành động lực phát triển nhanh mạnh cho Công ty trong tương lai.

Để đảm bảo tính bền vững trong hoạt động, ban lãnh đạo công ty luôn bám sát với tình hình kinh tế trong nước và quốc tế để xây dựng kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn phù hợp với từng thời kỳ phát triển.

*- Lạm phát*

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát của các tháng năm 2014 so với cùng kỳ đạt cao nhất vào tháng 1 cũng chỉ là 5,45%. Kể từ tháng 6, tỷ lệ tăng của CPI ngày càng giảm. CPI tháng 12 chỉ tăng 1,84% so với cùng kỳ năm 2013, kéo tỷ lệ lạm phát bình quân tháng chỉ còn 4,09%/năm, thấp hơn mức trung bình của năm 2013 là 2,5 điểm phần trăm

Tính đến ngày 15/12/2014, tổng chi ngân sách nhà nước ước đạt 968,5 nghìn tỷ, bằng 96,2% dự toán năm. Tính đến ngày 27/12/2014, tổng phương tiện thanh toán tăng 15,65% và tín dụng tăng 12,62% so với cuối năm 2013. Như vậy, với thực tế về số liệu chi ngân sách nhà nước, cung tiền và tín dụng năm 2014 đều gần bằng và vượt mức của năm 2013, nhưng lạm phát lại thấp hơn cho thấy, lạm phát có những nguyên nhân ngoài chính sách tiền tệ và tài khóa, như: sức cầu còn yếu, giá xăng dầu sụt giảm liên tục...

Theo Tổng cục Thống kê, trong 12 tháng vừa qua, nhóm hàng có đóng góp nhiều nhất vào sự gia tăng CPI vẫn là hàng ăn và dịch vụ ăn uống (chiếm 38,8%), thứ đến là giáo dục (14,2%), nhà ở và vật liệu xây dựng (9,3%), nhóm hàng giao thông chỉ đóng góp 4%. Với sự điều chỉnh giảm liên tục của giá xăng dầu trong nước, chi phí sinh hoạt cho nhóm hàng giao thông sẽ giảm đi, từ đó tác động làm giảm CPI.

Để quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh, ban lãnh đạo Công ty cũng theo dõi sát diễn biến tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới để xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển phù hợp, hạn chế bớt những ảnh hưởng tiêu cực từ các yếu tố vĩ mô.

#### *- Lãi suất*

Đối với một doanh nghiệp sản xuất thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Không phải bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng có nguồn vốn đủ lớn để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh mà phần lớn phải huy động thêm từ các nguồn bên ngoài, trong đó có một kênh phổ biến đó là vay vốn và chịu lãi suất sử dụng vốn. Chính vì vậy, nên chỉ cần một sự thay đổi của lãi suất sẽ kéo theo hiệu ứng tổng thể, khi lãi suất tăng cao ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng của các cá nhân, chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp, gia tăng chi phí cho các doanh nghiệp, làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, doanh thu và lợi nhuận giảm.

Mặt bằng lãi suất năm 2014 giảm 1,5-2 điểm phần trăm so với cuối năm 2013, trong đó mặt bằng lãi suất huy động giảm 1,5-2 điểm phần trăm/năm, lãi suất cho vay giảm khoảng 2 điểm phần trăm/năm, đưa mặt bằng lãi suất thấp hơn mức lãi suất của giai đoạn 2005-2006. Lãi suất của các khoản vay cũ tiếp tục được các TCTD tích cực điều chỉnh giảm, với các khoản vay có lãi suất trên 13% chỉ còn chiếm chưa đến 15% trên tổng dư nợ.

Đường cong lãi suất hình thành rõ nét, qua đó tạo điều kiện cho các TCTD huy động được nguồn vốn kỳ hạn dài và ổn định hơn, giảm chênh lệch kỳ hạn giữa tài sản có và tài sản nợ và giúp cho việc phân bổ vốn hiệu quả trong nền kinh tế.

Chênh lệch lãi suất cho vay – huy động (NIM) đã ổn định sau khi giảm mạnh trong giai đoạn 2011-2013. NIM giảm từ 3,5% (năm 2011) xuống 3,2% (năm 2012) và 2,8% (năm 2013) và được duy trì ổn định trong năm 2014.

#### *6.2 Rủi ro về pháp luật*

Hiện tại Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong đã là công ty đại chúng nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với công ty đại chúng.

Tính đến thời điểm hiện tại, thị trường chứng khoán Việt Nam đã ra đời và đi vào hoạt động được hơn 10 năm. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một thị trường còn non trẻ và có những đặc thù riêng biệt so với các thị trường chứng khoán tại các quốc gia phát triển cũng như mới nổi khác. Chính vì vậy, hệ thống pháp luật vận hành thị trường chứng

khoản Việt Nam vẫn đang tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện không ngừng. Tất yếu trong quá trình xây dựng và phát triển, hệ thống pháp luật nêu trên không khỏi có những điểm còn nhiều bất hợp lý và thiếu sót, nhiều lúc gây ra những bất tiện và lúng túng cho các đối tượng chịu sự điều chỉnh của nó.

Tuy nhiên, nhìn theo chiều ngược lại thì so với ngày đầu thành lập, các cơ quan xây dựng, ban hành pháp luật cũng đã có nhiều nỗ lực và hệ thống pháp luật áp dụng cho doanh nghiệp nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng cũng đã có nhiều thay đổi, tiến bộ, ngày càng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các chủ thể tham gia thị trường.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

### *6.3 Rủi ro về biến động giá bán điện*

Trong thị trường phát điện cạnh tranh, Bộ Công Thương yêu cầu tất cả các nhà máy điện có công suất từ 30 MW trở lên, đầu nối vào lưới điện truyền tải điện, trừ các nhà máy BOT, sẽ phải tham gia thị trường phát điện cạnh tranh. Các đơn vị phát điện này sẽ phải chào giá trong giới hạn giá trần và giá sàn.

Giá trần thị trường do Cục Điều tiết Điện lực phê duyệt hàng năm. Trong năm đầu tiên vận hành thị trường này, giá trần thị trường sẽ phải đảm bảo giá phát điện bình quân năm không vượt quá 5% so với giá phát điện bình quân của năm liền trước. Đồng thời, chỉ các tổ máy phát điện sử dụng nhiên liệu nội địa được xem xét trong tính toán giá trần thị trường.

Giá trần phải phù hợp với chi phí sản xuất điện năng của các công nghệ phát điện khác nhau. Giới hạn các bản chào giá sàn hay trần của các tổ máy thủy điện được xác định theo giá trị nước hàng tuần. Giá trần của nhà máy thủy điện bằng 110% giá trị nước của nhà máy tính toán hàng tuần, giá sàn của nhà máy thủy điện là 90% giá trị nước.

Theo Quyết định 26 của Thủ tướng, thị trường điện cạnh tranh chia làm 3 cấp độ, trong đó, cấp độ 1 là phát điện cạnh tranh hành thành từ năm 2005 - 2014, cấp độ 2 là thị trường bán buôn điện cạnh tranh từ năm 2014 - 2022 và cấp độ 3 là thị trường bán lẻ điện cạnh tranh từ sau năm 2022.

Việc vận hành thị trường phát điện cạnh tranh đã được thực hiện một năm nay, nhưng về cơ bản, thị trường vẫn độc quyền, chưa hướng tới thị trường thực sự. Mục tiêu đến năm 2014 hoàn thành thị trường phát điện cạnh tranh và chuyển sang thị trường bán buôn cạnh tranh là khó hoàn thành khi nhiệm vụ trong giai đoạn đầu vẫn thực hiện một cách quá hình thức.

Trong năm 2012, đã có hai đợt tăng giá điện, từ 01/07/2012 giá điện tăng 4,98% so với giá bình quân thực hiện năm 2011, đưa giá điện bình quân từ mức 1.304 đồng/kWh lên mức 1.369 đồng/kWh. Từ 22/12/2012, giá bán điện tăng thêm 5%, đưa giá điện bình quân từ mức 1.369 đồng/kWh lên 1.437 đồng/kWh.

Từ 01/08/2013, giá điện tăng 5%, nâng giá bán lẻ điện bình quân lên mức 1.508,85 đồng/kWh. Việc tăng giá bán điện của EVN có thể dẫn tới ảnh hưởng có lợi tới giá bán điện của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong.

#### 6.4 Rủi ro đặc thù

Điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Thủy điện Quế Phong. Sản lượng và hiệu quả của các nhà máy thủy điện của Công ty sẽ phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

#### 6.5 Rủi ro khác

Do tính chất hoạt động kinh doanh, Công ty còn có thể chịu những rủi ro khác như các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như lạm phát, biến động tỷ giá...

Ngoài ra, còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến CTCP Thủy Điện Quế Phong như các hiện tượng chiến tranh hay bão lũ...

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.

| TT | Chỉ tiêu              | ĐVT     | Kế hoạch năm 2014 | Thực hiện 2014 | Ghi chú |
|----|-----------------------|---------|-------------------|----------------|---------|
| 1  | Doanh thu trước thuế: | Tỷ đồng | 50,0              | 60,180         | 120,36% |
|    | - DT bán điện Bản Cốc |         | 50,0              | 51,014         |         |
|    | - DT bán điện Sao Va  |         |                   | 9,166          |         |

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

Nỗ lực vượt qua khó khăn, cùng với sự quan tâm giúp đỡ từ các Cổ đông, các cơ quan hữu quan, Công ty CPTĐ Quế Phong đã thực hiện quyết liệt có hiệu quả những biện pháp ổn định và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh như đàm phán chuyển đổi hợp đồng mua bán điện theo cơ chế chi phí tránh được; đàm phán với các tổ chức tín dụng cơ cấu lại các khoản vay thực hiện dự án; thanh toán hợp đồng bán khi giảm phát thải (CDM), chủ động thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hằng năm với nguồn nhân lực của Công ty giúp tiết kiệm chi phí và thời gian thực hiện so với việc thuê chuyên gia bên ngoài...

## 2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Ban Tổng giám đốc bao gồm:

Ông: Lê Thái Hưng

- Tổng Giám đốc

|                        |   |
|------------------------|---|
| CMND số                | 040076000032 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 06/12/2013. |
| Giới tính              | Nam   |
| Ngày tháng năm sinh    | 18/01/1976  |
| Nơi sinh               | Thanh Hưng – Thanh Chương – Nghệ An   |
| Quốc tịch              | Việt Nam  |
| Dân tộc                | Kinh  |
| Quê quán               | Thanh Hưng – Thanh Chương – Nghệ An   |
| Địa chỉ thường trú     | Phòng 603, Nhà B5, Mỹ Đình I, Từ Liêm, Hà Nội                                   |
| Trình độ văn hoá       | 12/12   |
| Trình độ chuyên môn    | Cử nhân kinh tế   |
| Quá trình công tác     |   |
| - 01/2000 –<br>10/2003 | Phó trưởng phòng Phát triển dự án – Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội                |

|   |   |
|---|---|
| - 01/09/1998-<br>31/12/2000             | Kế toán viên, kế toán Tổng hợp Xí nghiệp xây dựng 23/3. (Công ty Hợp tác kinh tế Bộ Quốc Phòng).<br>Kế toán Tổng hợp Phòng Tài chính kế toán Công ty Hợp tác kinh tế Bộ Quốc Phòng.   |
| - 01/01/2001-<br>20/10/2009             | Kế toán viên, Kế toán Tổng hợp Cơ quan Tổng công ty XDCTGT4<br>Phó Phòng Tài chính kế toán Tổng công ty XDCTGT4 (từ 12/10/2005)<br>Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. |
| - 21/10/2010-<br>06/04/2010             | Giám đốc tài chính Công ty cổ phần chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.  |
| - 07/04/2010-<br>Tháng 3/2014           | Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty cổ phần chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.<br>Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán TM&CN Việt Nam   |
| - Tháng 4/2014 đến<br>nay               | Tổng giám đốc Công ty cổ phần điện lực Trung Sơn.<br>Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (Từ tháng 9/2014)   |
| Chức vụ hiện tại                        | Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong  |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Tổng giám đốc Công ty cổ phần điện lực Trung Sơn  |
| Số cổ phần sở hữu và đại diện           | 4.089.907 CP (22,009% vốn điều lệ)  |
| + Số cổ phần sở hữu                     | 0 CP (chiếm 0 % vốn điều lệ)  |
| + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước | 0 CP (chiếm 0 % vốn điều lệ)  |

|   |  |
|---|--|
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)       | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật                   | Không  |
| Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành | Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định                             |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu   | Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn: 4.089.907 CP (chiếm 22,09% vốn điều lệ). |

Ông: Bùi Văn Trung

- Phó Tổng Giám đốc

|                     |   |
|---------------------|---|
| CMTND số            | 171849092 do CA Thanh Hóa cấp ngày 12/8/2004              |
| Giới tính           | Nam   |
| Ngày tháng năm sinh | 12/05/1977  |
| Nơi sinh            | Khu 2 – Thị trấn Hậu Lộc – TP. Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa |
| Quốc tịch           | Việt Nam  |
| Dân tộc             | Kinh  |
| Quê quán            | Khu 2 – Thị trấn Hậu Lộc – TP. Thanh Hóa – tỉnh Thanh Hóa |
| Địa chỉ thường trú  | Khu 2 – Thị trấn Hậu Lộc – TP. Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa |
| Trình độ văn hoá    | 12/12   |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư xây dựng công trình thủy điện                       |
| Quá trình công tác  |   |
| - 2003 - 2008       | Làm cán bộ kỹ thuật, Phó phụ trách Phòng KT - CN          |
| - 01/2008 – 12/2009 | Phó trưởng phòng KTCN                                     |
| - 01/2010 – đến     | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế           |



|   |  |
|---|--|
| nay   | Phong  |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác     | Không có   |
| Số cổ phần sở hữu và đại diện               | 2.000 CP   |
| + Số cổ phần sở hữu                         | 2.000 CP   |
| + Số cổ phần đại diện                       | 0 CP   |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)       | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật                   | Không  |
| Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành | Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu   | Không có   |

Ông Lê Bật Hùng

- Phó Tổng Giám đốc

|                     |   |
|---------------------|---|
| CMTND số            | 171800226 do CA Thanh Hóa cấp ngày 22/9/2005      |
| Giới tính           | Nam   |
| Ngày tháng năm sinh | 05/10/1981  |
| Nơi sinh            | Tân Ninh – Triệu Sơn – Thanh Hóa                  |
| Quốc tịch           | Việt Nam  |
| Dân tộc             | Kinh  |
| Quê quán            | Tân Ninh – Triệu Sơn – Thanh Hóa                  |
| Địa chỉ thường trú  | Thị trấn Kim Sơn – Huyện Quế Phong – Tỉnh Nghệ An |
| Trình độ văn hoá    | 12/12   |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư điện  |

|   |  |
|---|--|
| Quá trình công tác                          |  |
| - 06/2006 – 01/2008                         | Cán bộ kỹ thuật Công ty CP Xây lắp Điện lực Thanh Hóa  |
| - 01/2008 –<br>11/2008                      | Cán bộ kỹ thuật Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong    |
| - 11/2008 –<br>07/2009                      | Phó phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong |
| - 07/2009 –<br>01/2010                      | Đội trưởng đội QLVH đường dây và trạm                  |
| - 01/2010 –<br>04/2011                      | TP kỹ thuật Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong        |
| - 01/2011 – đến<br>nay                      | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong  |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác     | Không có   |
| Số cổ phần sở hữu và đại diện               | 0 CP   |
| + Số cổ phần sở hữu                         | 0 CP   |
| + Số cổ phần đại diện                       | 0 CP   |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)       | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật                   | Không  |
| Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành | Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định       |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu   | Không có   |

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Số lượng CBCNV tại ngày 31/12/2013: 91 người

Số lượng CBCNV tại ngày 31/12/2014: 68 người

Lao động thường xuyên chỉ áp dụng cho số lao động có công việc làm thường xuyên, công việc yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm sâu, cần đào tạo kỹ. Số lao động và công việc kỹ thuật tương đối phổ thông, dễ tìm kiếm thay thế Công ty chuyển sang sử dụng các dịch vụ xã hội hoặc lao động thời vụ.

Công ty đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của Nhà nước. Cụ thể:

Trả lương theo khối lượng, chất lượng lao động, hiệu quả công việc và tính trách nhiệm của từng người trên cơ sở chuyên môn, kỹ thuật kinh nghiệm quản lý và vai trò đóng góp cho việc hoàn thành nhiệm vụ trong Công ty.

Lương được trả theo kết quả công việc đã thực hiện và vị trí, chức danh đang đảm nhận. Khi thay đổi vị trí, chức danh thì tiền lương sẽ thay đổi phù hợp với vị trí, chức danh mới.

Gắn việc phân phối tiền lương với quản lý và sử dụng lao động hợp lý của các bộ phận trên cơ sở sử dụng các nguồn nhân lực hiện có để SXKD đạt hiệu quả cao nhất.

Ngoài các chính sách nói trên, các chính sách khác được áp dụng theo đúng Luật Lao động như người lao động được ký kết hợp đồng lao động, được trả lương theo đúng nội dung hợp đồng lao động, được quyền khiếu nại và tranh chấp trên hợp đồng lao động, được tạo điều kiện thuận lợi trong lao động và học tập, được bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong quá trình làm việc...

Tùy theo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm Công ty có mức thưởng phù hợp cho người lao động. Nhưng thông thường các ngày lễ lớn Công ty chỉ thưởng bằng tiền mặt là 200.000 đồng.

- Lương tháng 13 & thưởng cuối năm
- Người lao động làm việc từ 9 tháng trở lên hưởng một tháng thu nhập.
- Người lao động làm việc dưới 9 tháng hưởng theo tỷ lệ thời gian.
- Căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của Công ty và kết quả công việc trong năm người lao động, ngoài việc được hưởng lương tháng 13 người lao động còn có thể được hưởng theo hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Trợ cấp thôi việc
- Tiền trợ cấp thôi việc: mỗi năm làm việc 01 tháng lương cơ bản (theo Luật lao động là 1/2 tháng)

- Trợ cấp thâm niên: ngoài tiền trợ cấp thôi việc nếu người lao động có thâm niên từ 5 năm trở lên được hưởng thêm 2 hoặc 4 tháng lương tùy theo loại HĐLĐ.

- Du lịch nghỉ mát: Hàng năm Công ty tổ chức cho NLD đi nghỉ mát từ 03 – 04 ngày, Công ty đài thọ 100% chi phí, người lao động được hưởng nguyên lương trong những ngày đi nghỉ mát.

- Sinh nhật: Ngày sinh nhật nhân viên được Công ty tổ chức chúc mừng và được một phần quà lưu niệm hoặc tiền mặt là 150.000đồng.

- Các hoạt động đoàn thể: Được tham gia sinh hoạt Đảng (nếu là Đảng viên), Sinh hoạt Đoàn thanh niên, Công đoàn.

- Các hoạt động thể thao:

- Sân bóng chuyền (miễn phí)

- Sân cầu lông (miễn phí)

- Bóng bàn (miễn phí)

- Hỗ trợ khó khăn: Những nhân viên có hoàn cảnh khó khăn sẽ được Công ty hoặc BCH Công đoàn xem xét và hỗ trợ.

- Chế độ tử tuất: Người lao động được hỗ trợ bằng tiền theo thoả ước lao động tập thể trong những trường hợp sau đây :

- Người lao động tử tuất.

- Thân nhân người lao động tử tuất .

- Trường hợp gia đình đặc biệt khó khăn sẽ được Công ty xem xét cụ thể.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

- Dự án Khu du lịch dịch vụ Cửa Lò:

Năm 2009, Công ty Cổ phần thủy điện Quế Phong được UBND tỉnh Nghệ An cho thuê đất tại xã Nghi hương – Thị xã Cửa Lò với diện tích 4.300 m<sup>2</sup> để thực hiện Khu du lịch dịch vụ (điều dưỡng) phục vụ CBCNV và chuyên gia nước ngoài. Công ty đã thực hiện hoàn thành

công tác giải phóng mặt bằng, thi công san nền và một phần tường rào bao quanh dự án với giá trị gần 2 tỷ đồng. Từ năm 2011 đến nay, do không thu xếp được nguồn vốn cho nên dự án không triển khai tiếp được. Tháng 5/2013, Đoàn kiểm tra liên ngành của UBND tỉnh Nghệ An đã có văn bản yêu cầu Công ty triển khai tiếp dự án trước 30/9/2013. Đến tháng 10/2013, do Công ty không thu xếp được nguồn vốn thực hiện dự án, UBND tỉnh Nghệ An đã có quyết định thu hồi khu đất.

- Dự án Thủy điện Nhạn Hạc:

Dự án Thủy điện Nhạn Hạc là dự án lớn nhất của Cụm dự án Thủy điện Quế Phong với tổng mức đầu tư phê duyệt năm 2009 là 980,562 tỷ đồng, điện trung bình năm đạt 190.106kWh. Các công việc đã thực hiện và giá trị ước tính thực hiện được khoảng hơn 70 tỷ đồng. Sau khi thực hiện xong các hạng mục phụ trợ phục vụ thi công các hạng mục công trình chính và khoan khảo sát và xử lý hiện tượng sạt sườn hố móng Nhà máy do địa chất đến nay đã tạm dừng thi công công tác đào hồ hố móng do chưa thu xếp được nguồn vốn. Công tác thu xếp vốn tín dụng dự án Nhạn Hạc gặp rất nhiều khó khăn trong thời điểm kinh tế nói chung khủng hoảng, khan hiếm nguồn vốn, bão giá và việc thắt chặt tiền tệ cùng với việc điều chỉnh nhiều chế độ chính sách của Nhà nước.

Tháng 3/2014, UBND tỉnh Nghệ An đã có quyết định chuyển giao dự án thủy điện Nhạn Hạc cho Nhà đầu tư khác thực hiện.

#### 4. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu   | Năm 2013        | Năm 2014        | % tăng giảm |
|--|-----------------|-----------------|-------------|
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng: |                 |                 |             |
| Tổng giá trị tài sản   | 432,947,302,024 | 425,339,016,685 |             |
| Doanh thu  | 56,675,071,690  | 61,091,019,844  |             |
| Thuế và các khoản phải nộp   | 1,084,083,792   | 2.010.715.219   |             |
| Lợi nhuận trước thuế   | -5,475,258,120  | -2,921,932,787  |             |
| Lợi nhuận sau thuế   | -5,475,258,120  | -2,921,932,787  |             |

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

|  | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|------------|------------|
|  | Cổ phần    | Cổ phần    |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 44.500.000 | 44.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 18.583.100 | 18.583.100 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 18.583.100 | 18.583.100 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 18.583.100 | 18.583.100 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 18.583.100 | 18.583.100 |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

|   | 31/12/2014             | 01/01/2014             |
|---|------------------------|------------------------|
|   | VND                    | VND                    |
| Công ty Tài chính Bưu Điện              | 7.560.000.000          | 7.560.000.000          |
| Công ty CP Điện lực Trung Sơn           | 40.899.070.000         | 40.899.070.000         |
| Công ty CP Xây dựng Lũng Lô II          | 17.000.000.000         | 17.000.000.000         |
| Công ty CP Prime Trung Tín              | 40.938.000.000         | 40.938.000.000         |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 7.500.000.000          | 7.500.000.000          |
| Các cổ đông khác                        | 71.933.930.000         | 71.933.930.000         |
| <b>Cộng</b>                             | <b>185.831.000.000</b> | <b>185.831.000.000</b> |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu...vvv thành cổ phần.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

**I. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)**

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Công ty đã lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm, các số liệu lập trên cơ sở khả năng hiện có, công tác kế hoạch lập sát với thực tế.
- Giá trị doanh thu hàng năm có tăng lên, do công ty áp dụng nhiều biện pháp để tăng sản lượng điện, tập trung vận hành nâng cao sản lượng điệm vào giờ cao điểm để tạo doanh thu lớn hơn.
- Tuân thủ các quy định của nhà nước về quản lý dự án đầu tư, về chế độ kế toán, về bảo vệ môi trường, về chăm lo đời sống và việc làm cho người lao động. Đảm bảo an toàn trong sản xuất, truyền tải điện năng.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chưa có lãi, nguyên nhân chủ yếu là do lãi suất tiền vay Ngân hàng tăng quá cao so với dự án được duyệt, dẫn đến chi phí tài chính. Mặt khác công tác vận hành cũng bị ảnh hưởng bởi tình trạng hạn hán kéo dài trong những năm qua nên sản lượng điện không đạt được theo thiết kế.
- Ban giám đốc đã chỉ đạo, thực hiện hết sức mình trong điều kiện có quá nhiều khó khăn như thiếu vốn đầu tư, thiếu nước phát điện, thiếu tiền thanh toán cho đơn vị thi công, thiếu nơi ở và làm việc để Công ty ổn định và từng bước phát triển.
- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Xin phê duyệt bán điện theo biểu giá “Chi phí tránh được” từ đó nâng cao doanh thu cho công ty. Đã đưa dự án thủy điện Bản Cốc thành dự án CDM, theo đó được tổ chức tài chính NEPCO thanh toán tiền bán giảm phát thải, đã tăng nguồn thu đáng kể cho Công ty. Công tác vận hành, Công ty đã tự chủ trong vận hành và bảo dưỡng sửa chữa thiết bị mà không cần phải thuê Chuyên gia nước ngoài thực hiện.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

- Tài sản của Công ty hình thành từ đầu tư dự án thủy điện Bản Cốc, thủy điện Sao va, tài sản của Công ty đều đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Không có tài sản xấu làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.

- Công ty không có nợ xấu phải thu.

- Tình hình nợ phải trả: Tình hình nợ hiện tại chủ yếu là do đầu tư dự án chưa cân đối được nguồn vốn để trả cho các đơn vị thi công, không có biến động lớn về các khoản nợ.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Công ty không có các khoản vay tiền nước ngoài nên không có chênh lệch tỷ giá làm phát sinh nợ xấu.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:* Thực hiện tinh giảm bộ máy quản lý, bố trí làm việc theo chế độ kiêm nhiệm

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:* Đã nêu ở phần trên đây

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).*

## **II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:* Công ty thường xuyên nắm chắc hoạt động, chủ động đề ra các giải pháp kịp thời, hợp lý nhằm ổn định sản xuất, đảm bảo đời sống cho người lao động.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:* Ban giám đốc đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch đạt yêu cầu đề ra.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:* Định hướng tái cấu trúc Cổ đông để có vốn tiếp tục đầu tư dự án thủy điện Nhạn hạc và trả nợ cho các đơn vị thi công trước đây.

**III. Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).**

### *1. Hội đồng quản trị*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

#### **- Thành viên Hội đồng quản trị**

| STT | Tên            | Chức vụ                     |
|-----|----------------|-----------------------------|
| 1   | Thái Phong Nhã | Chủ tịch Hội đồng quản trị  |
| 2   | Lê Thái Hưng   | Ủy viên Hội đồng quản trị   |
| 3   | Lê Bất Hùng    | Ủy viên hội đồng thành viên |
| 4   | Bùi Lê Quang   | Ủy viên Hội đồng thành viên |
| 5   | Phan Bằng Việt | Ủy viên Hội đồng thành viên |
| 6   | Tăng Văn Chúc  | Ủy viên Hội đồng thành viên |



**Ông Thái Phong Nhã – Chủ tịch HĐQT**

|  |   |
|--|---|
| CMTND số                                   | 019060000005 ngày cấp 29/11/2013 Nơi cấp: Hà Nội  |
| Giới tính                                  | Nam   |
| Ngày tháng năm sinh                        | 17/02/1960  |
| Nơi sinh                                   | Đạo Lý – Lý Nhân – Hà Nam   |
| Quốc tịch                                  | Việt Nam  |
| Dân tộc                                    | Kinh  |
| Quê quán                                   | Đạo Lý – Lý Nhân – Hà Nam   |
| Địa chỉ thường trú                         | P.C612 The Manor, Đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì – Từ Liêm – Hà Nội  |
| Trình độ văn hoá                           | 10/10   |
| Trình độ chuyên môn                        | Kỹ sư cơ khí chế tạo máy  |
| Quá trình công tác                         |   |
| - 04/2010 –<br>04/2013                     | Phó chủ tịch HĐQT kiêm cố vấn cao cấp cho Ban TGD Công ty Cổ phần Prime Group   |
| - 05/2013 – đến<br>nay                     | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy điện Nậm Cắn, Công ty Cổ phần Prime Quế Phong, Thái Việt, Thái Nguyên và Công ty CP Phát triển Năng lượng Viễn Thông Miền Trung |
| - 01/2014 – đến<br>nay                     | Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong<br>Từ tháng 9/2014: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong                                   |
| Chức vụ đang nắm giữ ở<br>các tổ chức khác | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn, Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn, Công ty Cổ phần Prime Quế Phong, Thái Việt, Thái Nguyên và Công ty       |

|  |  |
|--|--|
|  | CP Phát triển Năng lượng Viễn Thông Miền Trung   |
| <b>Số cổ phần sở hữu và đại diện</b>               | 2.989.673 CP (chiếm 15,58% vốn điều lệ)          |
| <b>+ Số cổ phần sở hữu</b>                         | 2.989.673 CP (chiếm 15,58% vốn điều lệ)          |
| <b>+ Số cổ phần đại diện</b>                       | 0 CP   |
| <b>Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)</b>       | Không  |
| <b>Hành vi vi phạm pháp luật</b>                   | Không  |
| <b>Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành</b> | Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định |
| <b>Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu</b>   | Không có   |

**Ông Lê Thái Hưng - Ủy viên HĐQT**

|                            |   |
|----------------------------|---|
| <b>CMND số</b>             | 040076000032 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 06/12/2013. |
| <b>Giới tính</b>           | Nam   |
| <b>Ngày tháng năm sinh</b> | 18/01/1976  |
| <b>Nơi sinh</b>            | Thanh Hưng – Thanh Chương – Nghệ An   |
| <b>Quốc tịch</b>           | Việt Nam  |
| <b>Dân tộc</b>             | Kinh  |
| <b>Quê quán</b>            | Thanh Hưng – Thanh Chương – Nghệ An   |
| <b>Địa chỉ thường trú</b>  | Phòng 603, Nhà B5, Mỹ Đình I, Từ Liêm, Hà Nội                                   |
| <b>Trình độ văn hoá</b>    | 12/12   |
| <b>Trình độ chuyên môn</b> | Cử nhân kinh tế   |
| <b>Quá trình công tác</b>  |   |

|  |   |
|--|---|
| - 01/2000 –<br>10/2003                         | Phó trưởng phòng Phát triển dự án – Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội  |
| - 01/09/1998-<br>31/12/2000                    | Kế toán viên, kế toán Tổng hợp Xí nghiệp xây dựng 23/3. (Công ty Hợp tác kinh tế Bộ Quốc Phòng).<br>Kế toán Tổng hợp Phòng Tài chính kế toán Công ty Hợp tác kinh tế Bộ Quốc Phòng.   |
| - 01/01/2001-<br>20/10/2009                    | Kế toán viên, Kế toán Tổng hợp Cơ quan Tổng công ty XDCTGT4<br>Phó Phòng Tài chính kế toán Tổng công ty XDCTGT4 (từ 12/10/2005)<br>Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. |
| - 21/10/2010-<br>06/04/2010                    | Giám đốc tài chính Công ty cổ phần chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.  |
| - 07/04/2010-<br>Tháng 3/2014                  | Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty cổ phần chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.<br>Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán TM&CN Việt Nam   |
| - Tháng 4/2014 đến nay                         | Tổng giám đốc Công ty cổ phần điện lực Trung Sơn.<br>Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (Từ tháng 9/2014)   |
| <b>Chức vụ hiện tại</b>                        | Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong  |
| <b>Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác</b> | Tổng giám đốc Công ty cổ phần điện lực Trung Sơn  |
| <b>Số cổ phần sở hữu và đại diện</b>           | 4.089.907 CP (22,009% vốn điều lệ)  |
| <b>+ Số cổ phần sở hữu</b>                     | 0 CP (chiếm 0 % vốn điều lệ)  |

|  |  |
|--|--|
| <b>+ Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước</b>     | 0 CP (chiếm 0 % vốn điều lệ)   |
| <b>Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)</b>       | Không  |
| <b>Hành vi vi phạm pháp luật</b>                   | Không  |
| <b>Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành</b> | Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định                             |
| <b>Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu</b>   | Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn: 4.089.907 CP (chiếm 22,09% vốn điều lệ). |

#### **Ông Lê Bất Hùng - Ủy viên HĐQT**

|                            |   |
|----------------------------|---|
| <b>CMTND số</b>            | 171800226 do CA Thanh Hóa cấp ngày 22/9/2005          |
| <b>Giới tính</b>           | Nam   |
| <b>Ngày tháng năm sinh</b> | 05/10/1981  |
| <b>Nơi sinh</b>            | Tân Ninh – Triệu Sơn – Thanh Hóa                      |
| <b>Quốc tịch</b>           | Việt Nam  |
| <b>Dân tộc</b>             | Kinh  |
| <b>Quê quán</b>            | Tân Ninh – Triệu Sơn – Thanh Hóa                      |
| <b>Địa chỉ thường trú</b>  | Thị trấn Kim Sơn – Huyện Quế Phong – Tỉnh Nghệ An     |
| <b>Trình độ văn hoá</b>    | 12/12   |
| <b>Trình độ chuyên môn</b> | Kỹ sư điện  |
| <b>Quá trình công tác</b>  |   |
| - 06/2006 – 01/2008        | Cán bộ kỹ thuật Công ty CP Xây lắp Điện lực Thanh Hóa |
| - 01/2008 – 11/2008        | Cán bộ kỹ thuật Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong   |
| - 11/2008 –                | Phó phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Thủy điện Quế      |

|  |   |
|--|---|
| 07/2009  | Phong   |
| - 07/2009 –<br>01/2010                             | Đội trưởng đội QLVH đường dây và trạm                 |
| - 01/2010 –<br>04/2011                             | TP kỹ thuật Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong       |
| - 01/2011 – đến<br>nay                             | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong |
| <b>Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác</b>     | Không có  |
| <b>Số cổ phần sở hữu và đại diện</b>               | 0 CP  |
| + Số cổ phần sở hữu                                | 0 CP  |
| + Số cổ phần đại diện                              | 0 CP  |
| <b>Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)</b>       | Không   |
| <b>Hành vi vi phạm pháp luật</b>                   | Không   |
| <b>Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành</b> | Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định      |
| <b>Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu</b>   | Không có  |

**Ông Bùi Lê Quang - Thành viên HĐQT**

|                            |  |
|----------------------------|--|
| <b>CMTND số</b>            | 011361079 Công An Hà Nội cấp ngày 04/12/2008 |
| <b>Giới tính</b>           | Nam  |
| <b>Ngày tháng năm sinh</b> | 16/01/1969                                   |
| <b>Nơi sinh</b>            | Hà Nội                                       |
| <b>Quốc tịch</b>           | Việt Nam                                     |

|  |  |
|--|--|
| Dân tộc  | Kinh   |
| Quê quán   | TP. Hà Nội   |
| Địa chỉ thường trú   | 53 Trại Găng – Hai Bà Trưng – Hà Nội   |
| Trình độ văn hoá   | 10/10  |
| Trình độ chuyên môn  | Thạc sỹ kinh tế  |
| Quá trình công tác   |  |
| 05/2007 – đến nay  | Phó phòng, phụ trách phòng Đầu tư, tài chính – Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện |
| Từ đầu năm 2013 – đến nay  | Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong                      |
| Chức vụ hiện tại   | Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong                      |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác                              | Phó Giám đốc Công ty Tài chính Bưu điện  |
| Số cổ phần sở hữu và đại diện  | 500.000 CP   |
| + Số cổ phần sở hữu  | 0 CP   |
| + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước – Công ty Tài chính Bưu điện | 500.000 CP   |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)                                | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật  | Không  |
| Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành                          | Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định                                   |

|   |  |
|---|--|
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu | - Công ty Tài chính Bưu điện sở hữu: 500.000 cổ phần |
|---|--|

**Ông Phan Bằng Việt - Thành viên HĐQT**

|   |   |
|---|---|
| CMTND số                                | 012903400 do CA Hà Nội cấp ngày 18/8/2007                     |
| Giới tính                               | Nam   |
| Ngày tháng năm sinh                     | 06-11-1978  |
| Nơi sinh                                | Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  |
| Quốc tịch                               | Việt Nam  |
| Dân tộc                                 | Kinh  |
| Quê quán                                | Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  |
| Địa chỉ thường trú                      | Tổ 34 Cụm 5 phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. |
| Trình độ văn hoá                        | 12/12   |
| Trình độ chuyên môn                     | Kỹ sư Cơ khí  |
| Quá trình công tác                      |   |
| 12/06/2010 – đến nay                    | Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong |
| Chức vụ hiện tại                        | Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác |   |
| Số cổ phần sở hữu và đại diện           | 1.590.000 CP  |
| + Số cổ phần sở hữu                     | 1.590.000 CP  |
| + Số cổ phần đại diện                   | 0 CP  |

|   |  |
|---|--|
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)       | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật                   | Không  |
| Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành | Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu   | 0 CP   |

**Ông Tăng Văn Chúc - Thành viên HĐQT**

|   |   |
|---|---|
| CMTND số                                | 012359711 CA Hà nội cấp ngày 07/7/2000                      |
| Giới tính                               | Nam   |
| Ngày tháng năm sinh                     | 20/10/1956  |
| Nơi sinh                                | Gia xuyên- Gia Lộc – Hải Dương                              |
| Quốc tịch                               | Việt Nam  |
| Dân tộc                                 | Kinh  |
| Quê quán                                | Gia xuyên- Gia Lộc – Hải Dương                              |
| Địa chỉ thường trú                      | Phường Công vị- Ba Đình – Hà Nội                            |
| Trình độ văn hoá                        | 10/10   |
| Trình độ chuyên môn                     | Cử nhân quản trị kinh doanh                                 |
| Quá trình công tác                      |   |
| Từ 18/6/2010 đến nay:                   | Ủy viên HĐQT – Công ty CP Thủy Điện Quế Phong               |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô – Bộ Quốc Phòng |
| Số cổ phần sở hữu và đại diện           | 1.700.000 CP  |



|   |  |
|---|--|
| + Số cổ phần sở hữu                                     | 0 CP   |
| + Số cổ phần đại diện cho Công ty CP Xây dựng Lũng Lô 2 | 1.700.000 CP                                       |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)                   | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật                               | Không  |
| Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành             | Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định   |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu               | - Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng lô 2: 1.700.000 CP |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty có 06 (sáu) phiên họp, ban hành 06(sáu) nghị quyết. Các nội dung và kết quả các cuộc họp như sau:

- Phiên họp thứ nhất ngày 09/1/2014(Nghị quyết 1):

+ Thống nhất trình Đại hội đồng Cổ đông về việc miễn nhiệm chức vụ UVHĐQT đối với bà Đặng Thị Tươi và bổ nhiệm ông Thái Phong Nhã thay thế bà Đặng Thị Tươi làm UVHĐQT Công ty nhiệm kỳ 2 (2010-2015).

Hội đồng quản trị nhất trí bầu ông Thái Phong Nhã làm UVHĐQT giữ chức Phó chủ tịch HĐQT Công ty;

+ Phê duyệt chỉ định đơn vị kiểm toán tài chính năm 2013;

+ Phê duyệt phương án đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty lên sàn Upcom;

- Phiên họp thứ hai ngày 12/6/2014(Nghị quyết 2):

+ Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014

+ Thông qua báo cáo tài chính năm 2013 đã được Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế (IFC) kiểm toán.

+ Thống nhất trình Đại hội đồng Cổ đông về việc miễn nhiệm chức vụ UVHĐQT đối với Ông Ngô Thành Phước, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Lê Minh Hùng, Ông Hoàng Duyệt và bổ nhiệm ông Phan Bằng Việt làm UVHĐQT, bổ nhiệm Ông Đặng Khánh Quyền làm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2 (2010-2015).

- Phiên họp thứ ba ngày 21/8/2014 (Nghị quyết 3):

+ Thống nhất bầu Ông Thái Phong Nhã làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2 (2010-2015) thay Ông Nguyễn Minh Cường từ nhiệm do Tổng Công ty xây dựng Hà Nội thoái vốn tại Công ty.

+ Hội đồng quản trị nhất trí trình Đại hội đồng Cổ đông về việc bầu bổ sung Ông Lê Thái Hưng làm UVHĐQT Công ty nhiệm kỳ 2 (2010-2015).

+ Hội đồng quản trị thống nhất bầu Ông Lê Thái Hưng làm Tổng giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2 (2010-2015) thay Ông Đoàn Kim Đồng

- Phiên họp thứ tư ngày 21/8/2014 (Nghị quyết 4):

+ Hội đồng quản trị nhất trí bầu bổ sung Ông Lê Thái Hưng làm UVHĐQT Công ty nhiệm kỳ 2 (2010-2015).

+ Hội đồng quản trị thống nhất cử Ông Lê Thái Hưng làm Tổng giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2 (2010-2015) thay Ông Đoàn Kim Đồng.

+ Hội đồng quản trị thống nhất tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên vào ngày 15/9/2014;

- Phiên họp thứ năm ngày 04/9/2014:

+ Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014;

- Phiên họp thứ sáu ngày 15/9/2014:

+ Hội đồng quản trị thống nhất bầu Ông Thái Phong Nhã làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2 (2010-2015)

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

|   | Ban kiểm soát    |            |
|---|------------------|------------|
| 1 | Đặng Khánh Quyền | Trưởng ban |
| 2 | Nguyễn Bá Tiên   | Ủy viên    |
| 3 | Nguyễn Thị Bích  | Ủy viên    |

**Ông Đặng Khánh Quyền - Trưởng ban Kiểm soát**

|                     |   |
|---------------------|---|
| CMND số             | 017326945 do CA Hà Nội cấp ngày 11/02/2012                              |
| Giới tính           | Nam   |
| Ngày tháng năm sinh | 14/04/1979  |
| Nơi sinh            | Hà Đông, Hà Nội   |
| Quốc tịch           | Việt Nam  |
| Dân tộc             | Kinh  |
| Quê quán            | Hoa Lư – Ninh Bình  |
| Địa chỉ thường trú  | Số 267, ngõ 83, tổ 12, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội |
| Trình độ văn hoá    | 12/12   |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân tài chính – tín dụng  |
| Quá trình công tác  |   |
| - Từ 2014 đến nay   | Phó tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần                   |

|  |   |
|--|---|
|  | điện lực Trung Sơn<br>Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (6/2014) |
| <b>Chức vụ hiện tại</b>                            | Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong                                |
| <b>Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác</b>     | Phó tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần điện lực Trung Sơn                |
| <b>Số cổ phần sở hữu và đại diện</b>               | 0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty)   |
| <b>+ Số cổ phần sở hữu</b>                         | 0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty)   |
| <b>+ Số cổ phần đại diện</b>                       | 0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty)   |
| <b>Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)</b>       | Không   |
| <b>Hành vi vi phạm pháp luật</b>                   | Không   |
| <b>Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành</b> | Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo qui định  |
| <b>Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu</b>   | Không có  |

**Ông Nguyễn Bá Tiến - Ủy Viên Ban kiểm soát**

|                            |  |
|----------------------------|--|
| <b>CMND số</b>             | 164027707 do CA Ninh Bình cấp ngày 15/2/2009 |
| <b>Giới tính</b>           | Nam  |
| <b>Ngày tháng năm sinh</b> | 28/11/1977                                   |
| <b>Nơi sinh</b>            | Xã Yên Bằng – Huyện Ý Yên – Tỉnh Nam Định    |
| <b>Quốc tịch</b>           | Việt Nam                                     |
| <b>Dân tộc</b>             | Kinh   |

|   |   |
|---|---|
| Quê quán                                    | Xã Yên Bằng – Huyện Ý Yên – Tỉnh Nam Định                       |
| Địa chỉ thường trú                          | Ngõ 127 Pháo Đài Láng – Q. Đống Đa – TP. Hà Nội                 |
| Trình độ văn hoá                            | 12/12   |
| Trình độ chuyên môn                         | Cử nhân kinh tế   |
| Quá trình công tác.                         |   |
| 10/03/2011 – đến nay                        | Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong               |
| Chức vụ hiện tại                            | Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong               |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác     | Phó trưởng phòng Tín dụng – Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện |
| Số cổ phần sở hữu và đại diện               | 256.000 CP (chiếm 1,33% vốn điều lệ)                            |
| + Số cổ phần sở hữu                         | 0 CP  |
| + Số cổ phần đại diện                       | 256.000 CP (chiếm 1,33% vốn điều lệ)                            |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)       | Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật                   | Không   |
| Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành | Không   |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu   | Không có  |

**Bà Nguyễn Thị Bích - Ủy viên Ban kiểm**

|                     |  |
|---------------------|--|
| CMND số             | 012996666 CA Hà nội cấp ngày 18/4/2007 |
| Giới tính           | Nữ                                     |
| Ngày tháng năm sinh | 15/2/1960                              |

|   |   |
|---|---|
| Nơi sinh                                    | Phường Nghi Hải- Thị xã Cửa Lò- Nghệ An           |
| Quốc tịch                                   | Việt Nam  |
| Dân tộc                                     | Kinh  |
| Quê quán                                    | Phường Nghi Hải- Thị xã Cửa Lò- Nghệ An           |
| Địa chỉ thường trú                          | Phường Cổ Nhuế - Từ Liêm – Hà Nội                 |
| Trình độ văn hoá                            | 12/12   |
| Trình độ chuyên môn                         | Cử nhân kinh tế                                   |
| Quá trình công tác                          |   |
| Từ 2006 đến nay:                            | Ban kiểm soát – Công ty CP thủy điện Quế Phong    |
| Chức vụ hiện tại                            | Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác     | Không   |
| Số cổ phần sở hữu và đại diện               | 0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ)                       |
| + Số cổ phần sở hữu                         | 0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ)                       |
| + Số cổ phần đại diện                       | 0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ)                       |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)       | Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật                   | Không   |
| Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành | Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo qui định  |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu   | Không có  |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp): Ban kiểm soát định kỳ họp một năm 2 lần, khi có công việc cần thiết thì tổ chức hội ý. Ban kiểm soát hàng năm đều có kiểm soát công ty, có báo cáo gửi Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ): Công ty chỉ có phụ cấp BKS 1trđ/người tháng, không có lương và các khoản thù lao khác.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): Công ty chưa tổ chức được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2

#### IV. Báo cáo tài chính

##### 1. Ý kiến kiểm toán

Có BCTC năm 2014 đã được Kiểm toán gửi kèm

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo

thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).

Có BCTC năm 2014 đã được Kiểm toán gửi kèm

**CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Lê Chái Hưng*

